

Bản án số: 44/2023/DS-ST
Ngày: 14-7-2023.
Về việc tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KD, TỈNH BÀ RỊA-VNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duyệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hùng.
2. Ông Lê Minh Quan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân huyện KD, tỉnh Bà Rịa – Vng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện KD tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khuê – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện KD xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 80/2023/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị M, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Tổ 1, khu phố PS, thị trấn D, huyện KD, tỉnh Bà Rịa – Vng Tàu.
"Có mặt"

Bị đơn:

1. Ông Mai Anh V, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Tổ 11, khu phố T, thị trấn D, huyện KD, tỉnh Bà Rịa – Vng Tàu.
"Vắng mặt"

Người đại diện theo ủy quyền của ông V: Ông Lại QT, sinh năm 1981; địa chỉ: AA Phạm Văn Đồng, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vng Tàu.

"Có mặt"

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông V: Ông Bùi Đức Q, sinh năm 1979 – Luật sư của Công ty Luật TNHH MTV Thuận Lý thuộc đoàn

luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; địa chỉ: AA Phạm Văn Đồng, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

"Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt"

2. Bà Dương Thị Mỹ VA, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Tổ 11, khu phố T, thị trấn D, huyện KD, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

"Có mặt"

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà VA:

1. Bà Phan Nữ Khánh L, sinh năm 1973 – Luật sư của Văn phòng luật sư Phan Nữ Khánh L thuộc đoàn luật sư tỉnh ND; địa chỉ: Số 272 đường 30/4 phường Thanh Bình, thành phố BH, tỉnh ND.

"Có mặt"

2. Ông Phan Đình Bảo Tr, sinh năm 1983 – Luật sư của Văn phòng luật sư Phan Nữ Khánh L thuộc đoàn luật sư tỉnh ND; địa chỉ: Số 272 đường 30/4 phường Thanh Bình, thành phố BH, tỉnh ND.

"Có mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/4/2023; bản khai; trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Võ Thị M trình bày:

Bà M là chủ Nhà máy sấy lúa tại Tổ 1, khu phố PS, thị trấn D, huyện KD. Hàng năm cứ đến vụ lúa, bà M thu mua lúa tươi của nông dân chở đến bán cho Nhà máy xay xát Tấn Lợi ở thị trấn D, huyện KD do vợ chồng ông Mai Anh V và bà Dương Thị Mỹ VA làm chủ. Do có sự tin tưởng làm ăn nhiều năm nên vợ chồng bà VA, ông V lấy lúa của bà M để xay xát thành gạo bán, rồi thanh toán tiền cho bà M trong tuần từ 02 đến 03 lần, mỗi lần từ 50 triệu đến 100 triệu đồng. Công việc làm ăn diễn ra trong nhiều năm qua, ngày 14/3/2023 hai bên chốt lại số nợ cũ thì vợ chồng bà VA còn nợ tiền mua lúa của bà M 600.000.000 đồng.

Ngoài ra trong khoảng thời gian từ 16/02/2023 đến 10/3/2023, bà VA nói cần một số gạo để giao cho Công ty nên đề nghị bà M giao lúa cho bà VA, qua tuần bà VA sẽ trả phần nợ lúa mới giao này, số tiền 678.740.000 đồng.

Tổng số tiền 02 khoản nợ là 1.278.740.000 đồng.

Từ ngày 22/3/2023 đến ngày 06/6/2023, bà VA cho người mang tới trả cho bà M số tiền 50.000.000 đồng và vợ chồng bà VA, ông V trả cho bà M 800 bao Trấu x 38.000đ/bao = 30.400.000 đồng, tổng số tiền trả được là 80.400.000 đồng. Hiện nay còn nợ 1.198.340.000 đồng.

Tại đơn khởi kiện bà M yêu cầu ông V và bà VA trả tiền mua lúa còn nợ là 1.205.940.000 đồng, nhưng sau khi khởi kiện bà VA và ông V đã giao cho bà M 200 bao trấu, tính thành tiền là 7.600.000 đồng, trừ số tiền trấu này đi thì

nay còn nợ 1.198.340.000 đồng. Bà M xin rút yêu cầu đối với số tiền 7.600.000 đồng đã trả.

Nay, bà M yêu cầu Tòa án buộc bà Dương Thị Mỹ VA và chồng là ông Mai Anh V trả cho bà M số tiền mua lúa còn nợ là 1.198.340.000 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi tám triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

Bị đơn bà Dương Thị Mỹ VA trình bày:

Vợ chồng bà VA có đăng ký thành lập hộ kinh doanh “NHÀ MÁY XAY XÁT TẤN LỢI” do chồng bà VA là ông Mai Anh V đứng tên giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 49H8002002 do Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện KD cấp ngày 15/06/2010, thay đổi lần 01 ngày 01/07/2013.

Trong quá trình làm ăn với bà Võ Thị M, hộ kinh doanh NHÀ MÁY XAY XÁT TẤN LỢI có nợ tiền mua lúa của bà M, gồm 02 khoản: Khoản mua lúa hàng năm là 600.000.000 đồng và khoản mua lúa sau là 678.740.000 đồng, đã trả được 80.400.000 đồng, đến nay vợ chồng bà VA còn nợ lại bà M số tiền mua lúa tổng cộng là 1.198.340.000 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi tám triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng). Lý do hai khoản nợ tiền mua lúa ghi cùng thời gian là do khoản nợ 600.000.000 đồng mua lúa hàng năm tới ngày 14/3/2023 hai bên mới chốt nợ, còn khoản nợ 678.740.000 đồng là nợ mới mua lúa của bà M từ ngày 16/02/2023 đến 10/3/2023.

Nay, bà M yêu cầu vợ chồng bà VA trả nợ tiền mua lúa còn nợ 1.198.340.000 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi tám triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) thì bà VA đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ nêu trên là 599.170.000 đồng (Năm trăm chín mươi chín triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) và yêu cầu ông Mai Anh V có nghĩa vụ trả cho bà M $\frac{1}{2}$ số tiền nợ là 599.170.000 đồng (Năm trăm chín mươi chín triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng).

Tại bản khai của bị đơn ông Mai Anh V; trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Mai Anh V là ông Lại QT trình bày:

Trước toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông V không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngay từ đầu, ông V đã không tham gia vào việc kinh doanh, quản lý cơ sở Tấn Lợi từ khi cha mẹ ông V bàn giao lại cho đến nay. Thực tế chủ cơ sở Tấn Lợi là bà VA, bà VA là người toàn quyền quyết định, quản lý làm ăn, kinh doanh của cơ sở Tấn Lợi do bà VA thực hiện.

Việc bà VA mua lúa và nhận nợ với bà M, ông V không biết nên không đồng ý cùng với bà VA trả nợ cho bà M. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết trên cơ sở đây là khoản nợ riêng của bà VA, ông V không có nghĩa vụ phải trả nợ cùng bà VA.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà VA là bà Phan Nữ Khánh L trình bày: Nhà máy xay xát Tấn Lợi do bà VA và ông V làm chủ. Bà VA xác nhận hiện nay còn nợ bà M số tiền mua lúa là 1.198.340.000 đồng, toàn bộ số tiền mua lúa còn nợ bà M nêu trên đều phục vụ cho hoạt động của

Nhà máy xay sát Tân Lợi và phát triển kinh tế gia đình bà VA, ông V nên đây là nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 20 Điều 3, Điều 24, Điều 25, Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân gia đình buộc ông V có trách nhiệm liên đới trả $\frac{1}{2}$ số nợ trên cho bà M; bà VA đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số nợ trên cho bà M.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với các đương sự, đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa có căn cứ xác định khoản tiền nợ bà M phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa bà VA và ông V nên đây là nợ chung của vợ chồng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015 và các Điều 25, 27, 30, 37 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 buộc bà VA và ông V có trách nhiệm liên đới trả cho bà M tổng số tiền nợ 1.198.340.000 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi tám triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

Đề nghị đình chỉ yêu cầu đã rút của nguyên đơn bà M đối với số tiền 7.600.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân huyện KD nhận định:

[1]. Về tố tụng.

Bị đơn ông Mai Anh V và bà Dương Thị Mỹ VA có nơi cư trú ở thị trấn D, huyện KD, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện KD, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu các bị đơn trả tiền mua lúa còn nợ nên xác định là vụ án "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn ông Mai Anh V là ông Bùi Đức Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông Q theo quy định.

[2]. Về việc rút một phần yêu cầu của đương sự.

Tại đơn khởi kiện bà M yêu cầu ông V và bà VA trả tiền mua lúa còn nợ 1.205.940.000 đồng, nhưng sau khi khởi kiện đã trả 7.600.000 đồng, còn nợ 1.198.340.000 đồng. Do đó, bà M rút yêu cầu đối với số tiền 7.600.000 đồng đã trả. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 235 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng

dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút số tiền 7.600.000 đồng.

Bà M không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ tiền mua lúa là 1.198.340.000 đồng.

Nguyên đơn bà Võ Thị M trình bày: Bà M là chủ Nhà máy sấy lúa ở thị trấn D, huyện KD. Hằng năm bà M thu mua lúa của nông dân để bán cho Nhà máy Tấn Lợi do vợ chồng bà VA, ông V làm chủ. Đến nay vợ chồng bà VA, ông V nợ bà M các khoản nợ như sau:

- Khoản thứ nhất: Tiền mua bán lúa hằng năm, tính đến ngày hai bên chốt lại số nợ (14/3/2023) là 600.000.000 đồng;

- Khoản thứ hai: Từ 16/02/2023 đến 10/3/2023, bà M giao lúa cho bà VA, tổng số tiền là 678.740.000 đồng.

Tổng cộng 02 khoản nợ là 1.278.740.000 đồng. Nay, đã trả được 80.400.000 đồng, còn nợ 1.198.340.000 đồng.

Bị đơn bà VA thừa nhận có mua lúa của bà M và đến nay còn nợ tiền mua lúa của bà M 1.198.340.000 đồng chưa trả như bà M trình bày. Việc mua lúa và nợ tiền mua lúa là phục vụ cho việc phát triển kinh tế gia đình cũng như hoạt động của Nhà máy xay xát Tấn Lợi của vợ chồng bà VA. Nay, bà VA đồng ý trả $\frac{1}{2}$ số tiền trên cho bà M và yêu cầu ông Mai Anh V có trách nhiệm trả cho bà M $\frac{1}{2}$ số tiền nợ.

Căn cứ lời trình bày của bà M và bà VA có căn cứ xác định hai bên có giao dịch mua bán lúa với nhau và đến nay bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 1.198.340.000 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi tám triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

Bị đơn ông V và người đại diện theo ủy quyền của ông V cho rằng bản thân ông V không tham gia vào việc kinh doanh mua bán lúa cũng như quản lý cơ sở xay xát lúa Tấn Lợi mà do bà VA toàn quyền quản lý, ông V không biết khoản nợ giữa bà VA với bà M nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà M và bà VA.

Xét thấy, số tiền nợ bà M nêu trên chỉ mình bị đơn bà VA thừa nhận và đồng ý trả $\frac{1}{2}$ cho bà M, ông V không thừa nhận và không đồng ý trả. Căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện bà Dương Thị Mỹ VA và ông Mai Anh V là vợ chồng có đăng ký kết hôn số 06/2009 ngày 02/01/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện KD; căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 49H8002002, đăng ký lần đầu ngày 15/6/2010 và đăng ký thay đổi lần 01 ngày 07/01/2013 do Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện KD cấp đối với NHÀ MÁY XAY XÁT TẤN LỢI thể hiện ông Mai Anh V là đại diện chủ hộ đứng tên trong giấy dẫn ký kinh doanh; căn cứ trình bày của bà VA thấy rằng việc mua lúa và nợ tiền mua lúa của bà M đều phục vụ cho phát triển kinh tế gia đình cũng như hoạt động của Nhà máy xay xát Tấn Lợi của vợ chồng bà VA, ông V

và đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên được xác định là nợ chung của vợ chồng bà VA và ông V, vì vậy ông V phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà VA trả toàn bộ số nợ trên cho bà M là phù hợp với quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Do đó việc ông V và người đại diện theo ủy quyền của ông V cho rằng ông V không tham gia quản lý, kinh doanh Nhà máy xay xát lúa Tấn Lợi; không biết biết số tiền mua lúa còn nợ bà M nên không đồng ý trả nợ là không có căn cứ.

[4]. Căn cứ Điều 288, Điều 357, Điều 429, Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, Điều 453 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 25, Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị M, buộc bà Dương Thị Mỹ VA và ông Mai Anh V có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị M số tiền nợ 1.198.340.000 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi tám triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[5]. *Về án phí*: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp, cụ thể:

Buộc bị đơn bà Dương Thị Mỹ VA và ông Mai Anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 47.950.000 đồng (Đã làm tròn số).

Trả lại cho nguyên đơn bà Võ Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 24.089.100 đồng.

[6]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 235, Điều 227, khoản 2 Điều 244 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, Điều 357, Điều 429, Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, Điều 453 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 25, Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị M đối với số tiền 7.600.000 đồng (Bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị M đối với bị đơn bà Dương Thị Mỹ VA và ông Mai Anh V về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Buộc bà Dương Thị Mỹ VA và ông Mai Anh V có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị M số tiền 1.198.340.000 đồng (Một tỷ một trăm chín mươi tám triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Dương Thị Mỹ VA và ông Mai Anh V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 47.950.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Trả lại cho bà Võ Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 24.089.100 đồng (Hai mươi bốn triệu không trăm tám mươi chín nghìn một trăm đồng) theo Biên lai thu số 0010243 ngày 26/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KD.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện KD;
- Chi cục THADS huyện KD;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Duy

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

